

NHỮNG HƯỚNG NGHIÊN CỨU CHÍNH CỦA TÂM LÝ HỌC PHÁT TRIỂN Ở THẾ KỶ XXI

Đỗ Hạnh Nga (*)

Tâm lý học phát triển là một lĩnh vực nghiên cứu giúp cho chúng ta hiểu được tính bất biến và tính hay thay đổi của một đời người. Quá trình phát triển của tâm lý học phát triển có thể chia làm 3 giai đoạn chính:

Giai đoạn 1- những năm đầu thế kỷ XX. Tâm lý học phát triển còn gắn liền với tâm lý học đại cương, những số liệu nghiên cứu có được chủ yếu dựa trên phương pháp quan sát và phỏng vấn trẻ em. Do đó nghiên cứu phát triển trong thời kỳ này chủ yếu tập trung vào việc khám phá những cột mốc của lứa tuổi, như: khi nào trẻ biết đi, biết nói thành câu, biết kết bạn và khi nào trẻ đến tuổi dậy thì. Thời đó các nhà tâm lý học phát triển rất ít quan tâm nghiên cứu các quá trình phát triển tâm lý con người.

Giai đoạn 2- từ thập niên 1960 đến thập niên 1980. Tâm lý học phát triển trở thành một ngành tâm lý riêng biệt và tách ra khỏi tâm lý học đại cương nhờ xác định rõ ràng đối tượng nghiên cứu và hệ thống phương pháp luận nghiên cứu của mình. Những lý thuyết lớn đóng vai trò thống trị trong nền tâm lý học phương Tây thời gian này là lý thuyết hành vi về sự học, cách tiếp cận phân tích tâm lý từ sự phát triển nhân cách con người và lý thuyết của J.Piaget về phát triển nhận thức. Mỗi một lý thuyết kể trên có mối liên hệ gắn với những lĩnh vực cụ thể về chức năng của con người, nhưng khi áp dụng để giải thích quá trình phát triển thì lại thể hiện những quan điểm mâu thuẫn và đối nghịch nhau. Tuy nhiên cũng cần ghi nhận là ở giai đoạn này các nhà nghiên cứu càng ngày càng quan tâm đến những vấn đề xã hội và ứng dụng. Bên cạnh những đề tài truyền thống (nhận thức, trí tuệ, ngôn ngữ, nhân cách và đạo đức), họ đã bắt đầu quan tâm nghiên cứu những vấn đề có liên quan nhiều với thực tế cuộc sống xã hội (ảnh hưởng của sự nghèo đói, sự lãng quên và lạm dụng trẻ em, tỉ lệ li dị tăng cao, người mẹ đi làm và chăm sóc con cái ban

(*) Thạc sĩ, Khoa Tâm lý Giáo dục, Trường ĐHSPTP.HCM.

ngày, những vấn đề học tập trong trường học và mục tiêu cải thiện những điều kiện sống của trẻ).

Giai đoạn 3 – từ thập niên 1980 đến nay. Giai đoạn này được đánh dấu bằng một thời kì chuyển đổi trong tâm lý học phát triển và “không có quan điểm lý thuyết nào là quan điểm trung tâm” (Damon, 1998). Trong đó, những lý thuyết đã từng chiếm vai trò thống trị ở giai đoạn 2 được xem xét lại. Bên cạnh đó, các nhà tâm lý học phương tây đặc biệt đề cao lý thuyết lịch sử – văn hóa của L.X.Vygotski. Quan điểm nhìn sự phát triển tâm lý gắn liền với văn hóa xã hội và mối tương tác qua lại giữa văn hóa và xã hội của L.X.Vygotski đang là những mối quan tâm chính của các nhà tâm lý học phát triển của thế kỷ XXI (Damon, 1998). Và do đó người ta chú ý nhiều đến mối quan hệ đa biến của các yếu tố sinh vật, tâm lý, môi trường gần (gia đình, hàng xóm, trường học, trường mẫu giáo) và môi trường xa (cộng đồng, văn hóa, xã hội, lịch sử) (Bronfenbrenner & Morris, 1998).

Để hiểu rõ hơn sự phát triển mạnh mẽ của tâm lý học phát triển trong giai đoạn này, ta cần xem xét những thông tin được ghi nhận trong *Sách tra cứu về tâm lý trẻ em (Handbook of Child Psychology)*. Sách tra cứu này được phát hành từ năm 1930 và sau mỗi 9 năm quyển sách này lại được tái bản một lần. Nếu so sánh lần tái bản thứ tư năm 1983 và lần thứ 5 năm 1998 với ấn bản năm 1970 thì ta sẽ thấy thể hiện một giai đoạn phát triển và mở rộng chưa từng thấy trong lĩnh vực tâm lý học phát triển. Điều rõ ràng nhất của sự thay đổi này là vào thập niên 1980, những lý thuyết lớn đã từng chiếm lĩnh nghiên cứu ở giai đoạn giữa thế kỷ XX trước kia đã được các nhà nghiên cứu đặt câu hỏi nghi vấn. Xuất hiện một loạt những quan điểm thay thế bằng một số lượng lớn hơn những lý thuyết là cơ sở dẫn dắt nghiên cứu hiện đại và được xuất phát từ nhiều cách tiếp cận khác nhau: dân tộc học, xử lý thông tin, nhận thức xã hội, di truyền học hành vi và cách tiếp cận văn hóa. Những quan điểm này không còn đề cập đơn thuần một mặt nào đó trong lĩnh vực chức năng (hành vi xã hội, nhân cách hay nhận thức). Chúng cũng không còn bị phân cực theo quan điểm về vai trò của yếu tố sinh vật và môi trường (Dixon & Lerner, 1992). Các nhà nghiên cứu cũng quan tâm nhiều đến những vấn đề như: trò chơi, mối liên hệ bạn bè, hệ thống cái tôi, sự xâm kích, tâm lý học sư phạm và trường học như là nội dung của sự phát triển.

Tổng kết nghiên cứu trong sách chỉ dẫn năm 1998 còn cho ta thấy các nhà nghiên cứu ngày càng quan tâm những khía cạnh tâm lý cơ sở như khí chất và xúc cảm trong các quá trình tâm lý cấp cao, bao gồm cả khả năng tự ý thức của trẻ em về tư duy, cảm xúc, niềm tin và khả năng điều chỉnh hành vi nhận thức và xã hội của chính bản thân nó. Sách chỉ dẫn năm 1998 cũng lần đầu tiên đưa ra một số ứng dụng tâm lý trẻ em vào thực tế – đây chính là một chỉ số cho thấy những cố gắng rất lớn trong việc sử dụng kết quả nghiên cứu như là cơ sở cho việc chăm sóc trẻ, giáo dục, những can thiệp lâm sàng.

Mặc dù không thể thống kê hết mối quan tâm hiện nay trong lĩnh vực tâm lý học phát triển, nhưng khuynh hướng kết hợp các ngành tâm lý và các ngành khoa học khác nhau vào trong nghiên cứu phát triển đang là khuynh hướng thống trị hiện nay. Tâm lý học phát triển hiện đại đi theo hướng hình thành những hệ thống quan điểm phát triển – trong đó nhận thức, tình cảm và hoạt động được nhìn nhận như một sự hợp nhất tổng thể và bị ảnh hưởng của những nhân tố sinh vật, môi trường và văn hóa. Đây chính là động lực khiến cho các nhà nghiên cứu phát triển phải biết liên kết những ngành tâm lý học với các ngành khoa học khác nhau để nghiên cứu. Hiện nay tâm lý học thần kinh, tâm lý học xã hội, tâm lý học sư phạm, tâm lý học sức khỏe, tâm lý học lâm sàng, sinh vật học, xã hội học, bệnh học, nhân chủng học và các ngành khoa học khác có nhiều đóng góp cho việc nghiên cứu sự phát triển tâm lý. Khuynh hướng này được thể hiện bằng ba hướng chính:

1. Hướng nghiên cứu đa chiều, đa lĩnh vực

Ngày nay tâm lý học phát triển nhìn nhận trẻ em có cấu tạo não bộ, cơ thể về cơ bản là như nhau và được sống trong một môi trường tương tự nhau, vì vậy các hướng nghiên cứu này được ứng dụng cho nhiều trẻ em. Bên cạnh đó, trẻ em lại khác nhau về di truyền sinh vật, khác nhau ở kinh nghiệm tích lũy được trong cuộc sống, những nhiệm vụ phải làm hàng ngày, bài tập về nhà, và nhất là những mối quan hệ của trẻ với những người xung quanh (cha mẹ, bạn bè, người quen,...). Chính điều này đã dẫn đến những khác biệt cá nhân rất lớn trong việc hình thành kỹ năng cụ thể. Thậm chí khi trẻ em đã lĩnh hội cùng một kỹ năng như tập đi, nói, cộng hoặc trừ, chúng thường thực hiện theo những cách của riêng chúng. Kết quả là một số lượng lớn các nhà nghiên cứu lựa chọn hệ thống động lực học, sinh thái và những định hướng văn hóa xã hội làm cơ sở

cho nghiên cứu của họ với mong muốn chứng minh được tính đa dạng rộng lớn trong phát triển (Bronfenbrenner, 1995, 1998). Đặc biệt, các nhà tâm lý học phát triển càng ngày càng hay ứng dụng lý thuyết lịch sử – văn hóa của L.X.Vygotski để giải thích những kết quả nghiên cứu của họ. L.X.Vygotski là người đầu tiên đã đề cao vai trò của tính lịch sử và văn hóa trong nghiên cứu tâm lý người. Ông đã nêu bật bản chất xã hội – lịch sử của tâm lý người, của nền văn hóa trong việc hình thành, phát triển tâm lý, phát triển các chức năng tâm lý cấp cao. Bất kỳ một chức năng nào trong sự phát triển văn hóa của trẻ đều xuất hiện hai lần, ở hai bình diện – lúc đầu ở bình diện xã hội, sau đó ở bình diện tâm lý; lúc đầu như một phạm trù mang tính tập thể, phạm trù tâm lý bên ngoài, sau đó như là một phương tiện của hành vi cá nhân, một phạm trù tâm lý bên trong. Chính vì vậy, trước đây những ảnh hưởng của điều kiện văn hóa – lịch sử lên sự phát triển, được coi là một yếu tố nhiễu trong nghiên cứu bổ dọc thì bây giờ trở thành một mục tiêu nghiên cứu của các nhà tâm lý học. Ví dụ: sự chán nản của con người trong thập kỷ những năm 1930 được chứng minh rằng đã gây ảnh hưởng lên sự phát triển tâm lý của thiếu niên. Nó gây ra stress và mâu thuẫn trong những mối quan hệ cha mẹ-con cái, thiếu niên có cảm xúc tiêu cực, sút giảm thành tích học tập, thay đổi lý tưởng sống, sự lựa chọn nghề nghiệp và hiện tượng lập gia đình sớm ở tuổi vị thành niên (Elder, Liker & Cross, 1984).

Bằng phương pháp nghiên cứu cắt dọc, các nhà tâm lý học phát triển đã chứng minh tính đa dạng trong quá trình phát triển của con người. Họ khám phá ra rằng phần lớn trẻ em có thương số trí tuệ IQ dao động đáng kể từ tuổi thơ ấu đến tuổi thanh thiếu niên – trong nhiều trường hợp, có dao động từ 10 đến 20 điểm và đôi khi nhiều hơn (McCall, 1993). Những đứa trẻ có thương số trí tuệ IQ cao hơn hẳn là những trẻ có khuynh hướng trở nên độc lập và có tính cạnh tranh cao trong trường học và có cha mẹ là những người quan tâm đến việc học tập của con, sử dụng nhiều biện pháp khuyến khích con thành công và áp dụng nguyên tắc dân chủ và hợp lý trong tương tác với con cái. Còn những đứa trẻ có thương số trí tuệ giảm đi theo lứa tuổi là những đứa trẻ có cha mẹ ít cố gắng khuyến khích con cái học tập và là những người thường ở một trong hai thái cực của phong cách làm cha mẹ (hoặc họ là những người có những nguyên tắc quá khắt khe hoặc quá dễ dãi trong quá trình nuôi dạy con) (McCall, Appelbaum & Hogarty, 1973).

2. *Hướng thay đổi cách nhìn nhận về vai trò của yếu tố sinh vật và môi trường trong sự phát triển*

Những nghiên cứu hiện đại về yếu tố sinh vật và sự phát triển được dựa trên một cơ sở tổng hợp, trong đó thừa nhận vai trò của mối liên hệ bên trong của những yếu tố di truyền và môi trường. Nhiều nghiên cứu đã khám phá ra mối tương quan di truyền và môi trường; những ảnh hưởng của môi trường chia sẻ và không chia sẻ; những hệ thống động lực trong đó yếu tố sinh vật và môi trường cùng tham gia để thúc đẩy sự phát triển; cấu trúc tâm lý mới được hình thành do tương tác với bạn bè; và quan điểm tiến hoá luận về sự gắn bó; mối quan hệ giữa nhận thức và hành vi xã hội. Những vấn đề này được khám phá đã khiến cho tâm lý học phát triển ngày nay thoát khỏi ảnh hưởng của nguyên tắc quyết định luận sinh vật, và do đó đã tránh nhược điểm coi thường yếu tố tâm lý và xã hội trong nền tâm lý học phương Tây (Eisenberg, 1998). Thay vào đó các nhà tâm lý học phát triển nhận thức được rằng yếu tố sinh vật và xã hội có mối tương tác với nhau và khó có thể tách bạch một cách rõ ràng. Thậm chí trong những lĩnh vực mà ở đó đã chứng minh rằng đó là do tác động của yếu tố sinh vật (như: về các mối tương quan thần kinh và hoóc môn của khí chất) thì các nhà tâm lý học, thông qua nghiên cứu, đã nhanh chóng chứng minh rằng ngoài yếu tố sinh vật còn có vai trò kinh nghiệm của con người (Kagan, 1998). Ví dụ: khi một đứa trẻ cực kì xấu hổ, rụt rè được biểu lộ bằng sự chăm sóc thích hợp của người lớn thì mối liên hệ sinh lý của sự rụt rè bị giảm đi (Gunnar, 1996). Tương tự, giữa những đứa trẻ có nguy cơ di truyền cao về hành vi chống đối xã hội, thì sự giúp đỡ của cha mẹ cũng làm giảm đi sự phát triển của tính gây hấn và những nhân cách chống đối xã hội (Cadoret, 1995)

Nhờ có những bằng chứng như trên mà ngày nay các nhà tâm lý học không còn quá coi trọng vai trò của yếu tố di truyền trong những thành công khác nhau của con người. Thay vào đó, họ tập trung chú ý vào cơ chế sinh vật như là cầu nối cho khoảng trống giữa genes di truyền, hành vi và những chiến lược dạy dỗ con cái của cha mẹ và vì vậy sẽ giúp cho đứa trẻ khắc phục những yếu điểm trong khí chất, nhân cách và trí tuệ một cách tốt nhất. Xem xét những vấn đề nghiên cứu sau: yếu tố sinh lý nào có liên quan với tính mắc cỡ, thông số về nhịp đập của tim, sự tập trung của máu và hoạt động tích cực của não? Thực tế giáo dục trẻ có thể sửa chữa những phản ứng này hay không và những sự việc xảy ra có làm một đứa trẻ mắc cỡ trở nên sợ hãi, rụt rè hay không? (Kagan, 1998).

Càng ngày người ta càng quan tâm đến vấn đề tư vấn cho các bậc cha mẹ ngay từ khi đứa con còn ở trong bụng mẹ và ngay sau khi ra đời, cung cấp cho các bậc cha mẹ những kiến thức về cách chăm sóc, nuôi nấng con nhỏ và cách thực hiện những biện pháp can thiệp sớm khi đứa trẻ bị những tác động xấu của môi trường (sống trong môi trường nghèo khổ, bệnh tật, những rắc rối xảy ra trong quá trình sinh đẻ, ...) hoặc do ảnh hưởng của yếu tố bẩm sinh – di truyền.

3. Hướng hình thành một giao diện mạnh giữa nghiên cứu lý thuyết và thực tế

Lĩnh vực tâm lý học phát triển thể hiện mối quan tâm của nó trong những nghiên cứu khám phá để có thể ứng dụng những vấn đề lý thuyết vào những tình huống thực tế: gia đình, nhà trường, sức khỏe tinh thần, bệnh viện, tòa án, nơi làm việc và những địa điểm khác ảnh hưởng đến sức khỏe và tâm lý của con người. Sự hài hòa giữa nghiên cứu khoa học với thực tế đã và sẽ được tiếp tục phát triển trong tương lai. Bởi vì nếu nghiên cứu được thực hiện theo cách truyền thống – trong phòng thí nghiệm và dưới những điều kiện kiểm soát cao thì thường dẫn đến thất bại trong thực tế. Kết quả nghiên cứu trong phòng thí nghiệm như vậy không thể là thực đơn để hướng dẫn những nhà thực hành nên làm gì và do đó nó chỉ có tính chất đề nghị mà thôi. Chính vì lý do đó mà càng ngày tâm lý học phát triển càng có vai trò là cầu nối giữa nghiên cứu khoa học và nghiên cứu ứng dụng. Ví dụ: làm thế nào để ứng dụng lý thuyết của L.X.Vugotxki về vùng phát triển gần nhất vào trong lớp học? Người giáo viên – nhà thực hành – hiểu rằng trẻ em học được rất nhiều thông qua các mối tương tác xã hội cùng với sự giúp đỡ của người lớn. Vì vậy người giáo viên phải cố gắng tổ chức trò chơi cho học sinh trong giờ học và cùng tham gia chơi với các em, nhưng họ gặp trở ngại là nếu tổ chức nhiều trò chơi thì họ sẽ không hoàn thành nội dung chương trình giảng dạy cho học sinh. Do đó họ cần kết hợp với nhà nghiên cứu để giải quyết tình huống này.

Những cố gắng thống nhất nghiên cứu với ứng dụng đã dẫn đến hình thành một đội ngũ các nhà nghiên cứu được gọi là “các nhà thực hành khoa học” – đó là các nhà giáo dục, các nhà tâm lý học thực hành, các nhà vật lý trị liệu,... Hơn nữa, trong vòng hai thập kỷ qua đã xuất hiện những ngành có tính liên kết nhiều lĩnh vực, mỗi một ngành đều có mục đích làm giảm bớt những khác biệt giữa nghiên cứu lý thuyết và nghiên

cứu ứng dụng. Một trong những ngành này là ngành tâm bệnh học phát triển, trong đó đề cập đến mối quan hệ giữa sự phát triển bình thường và những rối loạn trong chức năng tâm lý. Khi nghiên cứu kết hợp Tâm lý học phát triển và tâm lý học lâm sàng, giúp chúng ta biết rất nhiều về sự phát triển bình thường bằng cách nghiên cứu bệnh lý học, nhờ khám phá những tổn thương của não, tâm thần, và sự căng thẳng của môi trường giúp các nhà khoa học cơ lập những yếu tố phá hủy chức năng hoạt động của cá nhân. Chúng ta cũng có thể biết được rất nhiều về bệnh lý học thông qua nghiên cứu sự phát triển tâm lý bình thường của con người. Nhà nghiên cứu có thể quan tâm những cá nhân nào gặp rủi ro do ảnh hưởng của yếu tố sinh vật hoặc môi trường, so sánh cuộc sống của họ với những người bình thường khác. Chẳng hạn, một người có tính cách linh hoạt, khả năng giao tiếp xã hội, có mối quan hệ tốt với cha mẹ, có năng lực trí tuệ cao thì người đó có nhiều cơ hội đạt thành tích cao ở trường học, tranh thủ được nhiều sự giúp đỡ từ bên ngoài xã hội và gia đình.

Tóm lại, với khuynh hướng nghiên cứu đa chiều, đề cao vai trò của yếu tố xã hội và kết hợp giữa lý thuyết và thực hành như hiện nay sẽ giúp cho nhà tâm lý học phát triển có thể thực hiện rất nhiều nghiên cứu ứng dụng đồng thời biết đánh giá cao ảnh hưởng của môi trường lên sự phát triển; giúp họ có định hướng thu thập thông tin từ rất nhiều nguồn: nghiên cứu trong phòng thí nghiệm, nghiên cứu thực tiễn, thực hành trong phòng tư vấn, quan sát trẻ trong giờ học, quan sát mối quan hệ của đứa trẻ với người thân trong gia đình,... tất cả những việc làm này là nhằm mục đích giảm thiểu những khuyết tật đáng tiếc xảy ra, kịp thời ngăn chặn những ảnh hưởng xấu của môi trường, cải thiện mối quan hệ giữa con cái và cha mẹ, giữa học sinh và giáo viên với mục đích cuối cùng là nâng cao điều kiện sống cho con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Breckenridge U., & Morris, P. A. (1998). The ecology of developmental processes. In R. M. Lerner (Ed.), *Handbook of child psychology: Vol. 1. Theoretical models of human development* (5th ed., pp. 993c1028). New York: Wiley.
2. Cairns, R.B. (1983). The making of developmental psychology. In R.M. Lerner (Ed.), *Handbook of child psychology: Vol. 1. Theoretical models of human development* (5th ed., pp. 25 –105). New York: Wiley.

3. Cadoret, R.J., et. al. (1995). Genetic-environmental interaction in the genesis of aggressivity and conduct disorders. *Archives of General Psychiatry*, 52, pp. 916-924.
4. Dixon, R.A., & Lerner, R.M. (1992). A history of systems in developmental psychology. In M.H. Bornstein & M.E. Lamb (Eds.), *Developmental psychology: An advanced textbook* (3rd ed., pp. 3-58). Hillsdale, NJ: Erlbaum.
5. Damon, W. (1998). *Preface to The Handbook of child psychology, fifth edition. In R. M. Lerner (Ed.), Handbook of child psychology, fifth edition. In R.M. Lerner (Ed.), Handbook of child psychology: Vol. 1. Theoretical models of human development* (5th ed., pp. Xi - xviii). New York: Wiley.
6. Elder, G.H., Liker, J.K., & Cross, C.E. (1984). Parentchild behavior in the Great Depression: Life course and intergenerational influences. In P.B. Baltes & O.G. Brim (Eds.), *Life-span development and behavior* (Vol. 6, pp.109-158). New York: Academic Press.
7. Eisenberg, N. (1998). Introduction in N. Eisenberg (Ed.), *Handbook of child psychology: Vol. 3. Social, emotional, and personality development* (5th ed., pp. 1-24) New York: Wiley.
8. Friedman, H.S., Tucker, J.S., et. al. (1995). Psychosocial and behavioral predictors of longevity: The aging and death of the Termites. *American Psychologist*, 50, 69-78.
9. Gunnar, M., et al. (1996). Stress reactivity and attachment security. *Developmental Psychobiology*, 29, 191-204.
10. Kagan, J. (1998). Biology and the child. In N.Eisenberg (Ed.), *Handbook of child psychology: Vol. 3. Social, emotional, and personality development* (5th ed., pp.177 - 236). New York: Wiley.
11. McCall, R. B., Appelbaum, M.I., & Hogarty, P.S. (1973). Developmental changes in mental performance. *Monographs of the Society for Research in Child Development*, 38 (3, Serial No. 150).

Abstract

Major trends of studying developmental psychology in the 21th century

The article reviews the process of psychological development in the past, which can be divided into three periods: at the beginning of the XX century; from 1960s to 1980s; and from 1980s onward. Then the article evaluates and synthesizes the trends in psychological development in the future. There are strengthening connections with other sub-fields of psychology and disciplines, more sophisticated conceptions of the joint influence of the fields of biology and environment. In addition, the article notes the role of Vygotsky's Sociocultural Theory in the development of psychology in XXI century.